

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2022/HS-ST

Ngày 31 - 10 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu và ông Đào Quyết Chiến.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT tham gia phiên toà: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1, Nguyễn Văn A, sinh ngày 03/7/1992; nơi sinh và cư trú: Thôn THN, xã BG, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1969; vợ: Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1994, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền sự: Không;

Tiền án: 01, tại bản án số 86/2019/HSST ngày 26/11/2019 Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (chấp hành xong án phí ngày 15/5/2020, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/01/2021; **chưa chấp hành nghĩa vụ dân sự**).

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 05/8/2022 đến nay (có mặt).

2, Nguyễn Văn B, sinh ngày 15/6/1991; nơi sinh và cư trú: Thôn THN, xã BG, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị É, sinh năm 1952; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 18/7/2022 đến nay (có mặt).

-Những Người bị hại: 1, Anh Nguyễn Đ A, sinh năm 1983 (vắng mặt). Địa chỉ: Tổ dân phố TP, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

2, Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1959 (vắng mặt). Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Thượng, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Ngụy Ng, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LB, xã LH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người làm chứng:* Anh Hán Văn Ấ, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TK, xã HL, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Văn Thg (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố PT, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 25/6/2022, Nguyễn Văn A trú tại Thôn THN, xã BG, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88F3-5152 đem theo 01 kim cắt sắt, 01 con dao tông, 02 cờ lê đến nhà Nguyễn Văn B ở cùng thôn rùB đi trộm cắp tài sản. Sau đó A chở B đi xem ai có tài sản sơ hở để trộm cắp, khoảng 02 giờ ngày 26/6/2022 A chở B đến tổ dân phố TP, thị trấn LT, huyện LT thì phát hiện thấy 01 xe quay Vịt bằng sắt của anh Nguyễn Đắc A để ở vỉa hè được xích bằng một đoạn dây xích sắt vào cột điện cao thế. A dùng xe tắt máy rồi cùng B đi đến B trí chiếc xe quay Vịt. A dùng dao tông chặt dây xích còn B nhặt gạch chẹn bánh xe quay Vịt cho khỏi trôi xe. A chặt dây xích nhưng chưa đứt thì bị anh A phát hiện hô hoán nên A và B bỏ chạy để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88F3-5152, 01 chiếc kim cắt sắt và 02 cờ lê. Ngày 26/6/2022 anh Nguyễn Đắc A báo Công an thị trấn LT. Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra Nguyễn Văn B còn khai nhận: Vào khoảng 20 giờ ngày 23/6/2022 B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88D1-2882 chở theo một Người đàn ông tên là Tình đem theo 01 kim còng lực đi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 04 giờ ngày 24/6/2022 Tình và B đi đến nhà bà Hoàng Thị O ở tổ dân phố P T, thị trấn LT quan sát thấy có 01 xe lô để ở ven đường. Tình và B xuống xe đi đến B trí để xe lô thấy xe lô được khóa bằng 02 khóa chữ U vào cột sắt. Tình lấy kim còng lực rồi cùng B cắt đứt 02 chiếc khóa chữ U để trộm cắp chiếc xe lô. Sau đó B điều khiển xe chở Tình kéo theo chiếc xe lô vừa trộm cắp được đến cửa hàng sắt vụn của anh Nguyễn Ngụy Ng ở thôn LB, xã LH, huyện LT bán được 800.000 đồng cùng nhau tiêu sài hết.

Vật chứng thu giữ: 01 máy quay Vịt; 01 xe lô; 02 khóa chữ U đã bị cắt đứt; 01 xe mô tô biển kiểm soát 88F3- 5152; 01 kim cắt sắt; 02 cờ lê.

Tại kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 28/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LT kết luận: “01 máy quay Vịt có 03 bánh bằng cao su trị giá 4.500.000 đồng”.

Tại kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 28/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LT kết luận: “01 xe lô giá 1.200.000 đồng;

01 khóa chữ U dài 36cm x 10 cm trị giá 220.000 đồng; 01 khóa chữ U dài 20 cm 17 cm trị giá 220.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.700.000 đồng”.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả cho anh Nguyễn Đắc A 01 máy quay Vịt; trả cho bà Hoàng Thị O 01 xe lôi, 02 khóa chữ U đã bị cắt đứt. Nhận lại tài sản anh A, bà O không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, 17, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A, đề nghị xử phạt bị cáo A từ 09 tháng đến 11 tháng tù; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, 17, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B, đề nghị xử phạt bị cáo B từ 08 tháng đến 10 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 88F3-5152; 01 kim cắt sắt, 02 chiếc cờ lê, xác nhận các biên bản trả tài sản do cơ quan điều tra lập là hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 02 giờ ngày 26/6/2022, tại trước cửa nhà anh Nguyễn Đắc A ở tổ dân phố TP, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B trộm cắp của anh A 01 xe quay Vịt, tài sản trộm cắp theo kết luận của Hội đồng định giá trị giá 4.500.000 đồng và vào khoảng 04 giờ ngày 24/6/2022 tại trước cửa nhà bà Hoàng Thị O ở tổ dân phố P Th, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc Nguyễn Văn B cùng 01 Người đàn ông tên là Tình trộm cắp của bà O 01 xe lôi, tài sản trộm cắp theo kết luận của Hội đồng định giá trị giá 1.200.000 đồng.

Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ

đồ hiện trường, phù hợp với vật chứng của vụ án, phù hợp lời khai của Người bị hại, Người làm chứng, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe quay Vịt của anh Nguyễn Đắc A. Bị cáo Nguyễn Văn B trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe lô của bà Hoàng Thị O. Đối chiếu với Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của Người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng,... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Văn A, đối chiếu với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là Người có nhân thân xấu, năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện LT xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, do vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là A khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, chưa gây thiệt hại quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo còn nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo A là Người khởi xướng rủ bị cáo B đi trộm cắp tài sản, là Người chuẩn bị công cụ phương tiện để thực hiện việc trộm cắp tài sản nên bị cáo A phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo B.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Văn B, đối chiếu với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng trước khi phạm tội bị cáo là Người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ở cơ quan điều tra và tại phiên tòa A khẩn khai báo, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo B được hưởng theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, tham gia với vai trò giúp sức nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nhưng

cũng phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Việc bị cáo A và bị cáo B chưa lấy được tài sản của anh Nguyễn Đức A là nằm ngoài ý muốn của các bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy các bị cáo đều là Người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Đức A và bà Hoàng Thị O cơ quan điều tra đã thu và trả cho anh Nguyễn Đức A là chủ sở hữu: 01 máy quay Vịt; trả cho bà Hoàng Thị O là chủ sở hữu 01 xe lôi, 02 khóa chữ U đã bị cắt đứt. Nhận lại tài sản anh A và bà O không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Ngọc Ng là Người mua xe lôi của B, khi mua anh Ng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật. Đối với số tiền 800.000 đồng anh Ng mua xe lôi của B anh Ng tự nguyện không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong vụ án này còn có Người đàn ông tên là Tình (theo lời khai của B) đã cùng bị cáo Nguyễn Văn B thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe lôi của bà O. Tuy nhiên B không biết rõ tuổi, địa chỉ Người này nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 88F3- 5152; 01 kim cắt sắt, 02 cờ lê là các công cụ phương tiện A, B sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A 11 (Mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 05/8/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 18/7/2022.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 88F3- 5152; 01 kim cắt sắt, 02 cờ lê (Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa Công an huyện LT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UVITVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án. Những Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. **Người** có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện LT;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT;
- Công an huyện LT;
- UBND xã BG;
- Các bị cáo;
- Người bị hại, Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

